

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - A phúc

Bản án số: 253/2024/DS-ST

Ngày: 26/7/2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phúc Viễn;

2. Bà Nguyễn Thị Cẩm Giang;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 200/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2024/QĐXXST-DS ngày 01/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 157/QĐST-DS ngày 22/7/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Bà Trần Thị Tuyết A, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang.

* **Bị đơn**: Bà Nguyễn Kim B, sinh năm 1979 và

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện X, Tiền Giang.

Ông Cao Thanh C, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp M2, xã N1, huyện X, Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết A trình bày:

Vào ngày 10/02/2021 Al, tôi có cho vợ chồng ông C vay số tiền là 170.000.000 đồng, với lãi suất hàng tháng là 1%, mục đích lo cho gia đình.

Sau đó tôi được biết vợ chồng ông C đã ly hôn, xét thấy vợ chồng ông C ly hôn, có nguy cơ gây thiệt hại khó khăn về kinh tế cho tôi, nên tôi muốn đòi lại số tiền 170.000.000 đồng.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Cao Thanh C và bà Nguyễn Kim B phải trả cho tôi số tiền còn nợ là 170.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ tháng 01/2024 đến ngày khởi kiện là 03 tháng với lãi suất hàng tháng 1%, số tiền 5.100.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 175.100.000 đồng.

*** Theo bản tự khai, biên bản hoà giải bị đơn ông Cao Thanh C trình bày:**
Tôi thống nhất có mượn bà A số tiền 170.000.000 đồng, có viết biên nhận nợ ngày 10/02/2021 Al. Theo bản án hôn nhân sơ thẩm đã chia tài sản chung thì phải chia nợ chung, nay bà A khởi kiện yêu cầu tôi trả số tiền nợ trên và tiền lãi, tôi cũng đồng ý. Tuy nhiên chị B là vợ tôi phải cùng tôi chia khoản nợ này vì tôi mượn tiền mục đích để cất nhà và nhà yến.

Nhà yến xây dựng vào năm 2016; căn nhà được cất hoàn thiện vào năm 2018 tuy nhiên khi cất nhà và làm nhà yến thì mượn nợ xoay chuyển mượn người này trả người kia kéo dài đến năm 2021 nên có mượn tiền của bà A. Khoản nợ vay này tôi đi một mình vay tiền của bà A, bà B không biết vì có nói bà B cũng không quan tâm và khi nhận được tiền thì tôi đem trả nợ hết.

*** Theo bản tự khai, biên bản hoà giải bị đơn bà Nguyễn Kim B trình bày:**
Tôi không biết bà Trần Thị Tuyết A là ai và tôi cũng không có giao dịch vay tiền nào với bà A.

Tôi ra khỏi nhà vào ngày 21/01/2021 Al tức sau khi ăn tết xong, từ đó không còn sống chung vợ chồng với ông C. Khi tôi ra đi thì gia đình vẫn còn trông thanh long thu hoạch tốt, nhà yến cũng phát triển bán có lợi nhuận không có nợ ai.

Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng tôi (tôi và ông Cao Thanh C) cũng không có vay tiền của bà A này, tôi không rõ biên nhận mà ông C đã ký vào ngày 10/02/2021 Al được ký khi nào. Do tôi không có mượn tiền nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn nhà được cất vào năm 2013, nhà yến được xây dựng vào năm 2016 nguồn tiền từ việc thu hoạch thanh long, đến năm 2018 thì do trúng thanh long, trúng yến nên có xây hoàn chỉnh lại căn nhà. Cn toàn không có việc vay nợ.

*** Tại phiên tòa,** bà Trần Thị Tuyết A vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện đối với ông Cao Thanh C, bà Nguyễn Kim B phải trả cho bà trả số tiền vốn 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi suất là tính từ tháng 1/2024 đến khởi kiện là 1%/tháng = 5.100.000 đồng. Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

* Ông Cao Thanh C đồng ý trả số tiền vốn lãi 175.100.000 đồng cho bà A. Nhưng bà Nguyễn Kim B phải cùng ông liên đới trả vì nợ này là tiền nợ chung của vợ chồng. Số tiền vay của bà A ông vay về để trả cho những khoản nợ trước khi xây dựng nhà yến và cất nhà. Tài sản chung vợ chồng chia đôi thì nợ chung phải chia đôi.

* Bà Nguyễn Kim B không đồng ý trả nợ vốn lãi 175.100.000 đồng cho bà A vì bà hoàn toàn không biết bà hạnh này là ai, không có vay tiền và cũng không có nhận tiền. Biên nhận nợ ngày 20/02/2021 AI giữa ông C và bà A vay và ký kết, thời điểm này bà và ông C đã ly thân, bà đã rời khỏi nhà không sống chung với ông C.

*** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:** Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết: Qua xem xét toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy:

Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, biên nhận nợ ngày 20/02/2021 AI và lời thừa nhận của các đương sự. Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết A khởi kiện ông Cao Thanh C phải trả số tiền vốn 170.000.000 đồng, lãi suất 5.100.000 đồng là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị Tuyết A.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà A, khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Kim Phương liên đới cùng ông C trả số tiền vốn, lãi nêu trên cùng lời trình bày của ông Cao Thanh C là chưa có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Buộc ông Cao Thanh C phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Tuyết A số tiền vốn, lãi là 175.100.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết A kiện ông Cao Thanh C, bà Nguyễn Kim B phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay vốn là 170.000.000 đồng và lãi suất nên xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” tại Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Qua lời trình bày tại phiên tòa và căn cứ vào các biên bản hòa giải, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà Tuyết A và ông C có thỏa thuận vay mượn tiền cụ thể theo biên nhận ngày 10/02/2021 Al bà A có cho ông C vay số tiền 170.000.000 đồng có viết biên nhận nợ và thỏa thuận lãi suất vay, quá trình vay mượn thì ông C có đóng lãi đầy đủ cho bà A đến tháng 01/2024 thì ngưng không đóng lãi và trả tiền vốn, đồng thời bà được biết vợ chồng ông C, bà B ly hôn đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của bà do đó bà A khởi kiện yêu cầu ông C, bà B phải liên đới cùng thực hiện trả số tiền vốn là 170.000.000 đồng, lãi tạm tính đến tháng 4/2024 là 1%/tháng là 5.100.000 đồng thành tiền là 175.100.000 đồng. Ông C cũng thừa nhận có vay mượn tiền của bà A và đồng ý trả số tiền vốn, lãi trên, do đó yêu cầu khởi kiện của bà A khởi kiện ông C là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Kim B liên đới cùng ông C trả tiền vay cho bà A: Hội đồng xét xử nhận thấy bà A trình bày thừa nhận khi vay tiền vào ngày 10/02/2021 Al thì ông C đi một mình và nhận tiền, biên nhận nợ thì chỉ có một mình ông C ký tên, mục đích vay tiền ông C nói rằng do làm ăn khó khăn dùng để trả nợ. Số tiền nợ này trong thời kỳ hôn nhân của ông C, bà B, là nợ chung của vợ chồng ông C, bà B thì cả hai phải có trách nhiệm cùng trả nợ.

Ông C trình bày thừa nhận việc vay nợ trên chỉ có một mình ông đi vay và nhận tiền, bà B không biết, khi nhận tiền từ bà A thì ông đi trả nợ hết tuy nhiên ông cho rằng tài sản chung chia đôi thì nợ chung phải chia đôi vợ chồng.

Ông C cùng chị A không đưa ra được các tài liệu chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu lời trình bày của mình, không đưa ra tài liệu chứng minh về số nợ 170.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng. Qua thu thập chứng cứ lời khai ngày 03/8/2023 (BL số 29) trong vụ án hôn nhân gia đình, bà A trình bày “Tôi có cho anh Cao Thanh C vay số tiền 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu) vào ngày 10/02/2021, tôi chỉ cho ông C vay nay tôi không yêu cầu anh C trả số tiền 170.000.000 đồng trong vụ án này, tôi cho anh C trả sau. Nếu có tranh chấp tôi sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác ...”. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Tuyết A yêu cầu bà B liên đới cùng ông C trả cho bà số tiền vốn, lãi 175.100.000 đồng là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Đối với lời trình bày của bà Nguyễn Kim B: Bà đi ra khỏi nhà sống ly thân với ông C vào ngày 21/01/2021 Al, bà hoàn toàn không quen biết bà A, không biết việc vay mượn tiền giữa ông C, bà A vì biên nhận này ngày 20/02/2021 Al, bà không có nhận tiền hay ký tên vào biên nhận nợ, do đó số tiền nợ 170.000.000 đồng của bà Tuyết A là nợ riêng của ông C nên bà không có trách nhiệm cùng liên đới với ông C trả tiền cho bà A. Từ những lời khai, lời thừa nhận của ông C, bà Tuyết A, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà B là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn nên được hoàn tiền tạm ứng án phí. Bị đơn ông Cao Thanh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 án phí, lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết A.

1. Buộc ông Cao Thanh C có nghĩa vụ trả cho Trần Thị Tuyết A số tiền 170.000.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi 5.100.000 đồng (năm triệu một trăm ngàn đồng. Tổng cộng là 175.100.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu một trăm ngàn đồng).

Trường hợp ông C chậm thi hành án số tiền nêu trên cho bà A thì phải trả cho bà A tiền lãi tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết A đối với yêu cầu bà Nguyễn Kim B cùng liên đới trả số tiền nợ vay cùng ông Cao Thanh C.

3. Về án phí: Ông Cao Thanh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.755.000 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

Cn lại cho bà Trần Thị Tuyết A số tiền tạm ứng án phí 4.378.000 đồng (Bốn triệu ba trăm bảy mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007491 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDTTG.
- VKSNDHCG.
- Chi cục THADSHCG.
- Các đương sự.
- Lưu.

Nguyễn Thị Ánh Hồng